

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29-9-2021  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng

Ông Tân Nghị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 09/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/TB-TA ngày 17/9/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị K, sinh năm 1992; địa chỉ: T, xã Hòa K, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Lê Quang K, sinh năm 1988; địa chỉ: T, xã Hòa K, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị K và ông Lê Quang K kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa K, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại T, xã Hòa K, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, mâu thuẫn đỉnh điểm vào năm 2019 khi vợ chồng cãi vã gay gắt dẫn đến xô xát, nguyên nhân là do ông K không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không lo làm ăn, không có thu nhập. Toàn bộ kinh tế

gia đình, tiền ăn học của các con đều do một mình bà K gánh vác, cuộc sống vợ chồng trở nên nặng nề, tuy sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng, không ai nhìn mặt ai, không nói chuyện trao đổi với nhau. Gia đình hai bên đã vào can thiệp, hòa giải, chính quyền địa phương vào nhắc nhở, nhưng tình cảm hai người vẫn không có tiến triển tốt hơn. Nay bà K xác định không còn tình cảm, yêu thương ông K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang K.

Về quan hệ con chung: Bà K xác định bà với ông K có ba con chung tên là Lê Quang A, sinh ngày 17/4/2013; Lê Quang K, sinh ngày 03/01/2015 và Lê Quang M, sinh ngày 26/02/2018. Ly hôn, bà K xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Quang K và Lê Quang M. Giao con Lê Quang A cho ông K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà K xác định không có.

Về nợ chung: Bà K xác định không có nợ chung.

*Bị đơn Lê Quang K đã được* Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật, Thông báo mở lại phiên tòa. Tuy nhiên, ông K vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K đối với ông Lê Quang K và xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị K được ly hôn với ông Lê Quang K.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Lê Quang K, sinh ngày 03/01/2015 và Lê Quang M, sinh ngày 26/02/2018 cho bà Phan Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Lê Quang A, sinh ngày 17/4/2013 cho ông Lê Quang K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có nên không đề cập đến.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Phan Thị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

### *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Bà Phan Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Lê Quang K; trú tại: T, xã Hòa K, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà K là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Quang K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Quang K.

### *Về nội dung:*

[1] Bà Phan Thị K và ông Lê Quang K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa K, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vào năm 2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà K thì thấy: Cuộc sống hôn nhân của bà K và ông K không được hạnh phúc, đặc biệt là từ năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà K là do ông K không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không đi làm không có thu nhập để lo cho gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, xô xát. Từ năm 2019 bà K và ông K sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng. Qua xác minh, địa phương khẳng định hiện giữa bà K và ông K thường xuyên cãi vã, có lần xô xát, công an khu vực phải vào can thiệp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa để cho ông K có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay, ông K vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó, thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà K và ông K không có đời sống hôn nhân thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được; thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông Lê Quang K là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Bà K xác nhận, bà với ông K có ba con chung tên là Lê Quang A, sinh ngày 17/4/2013, Lê Quang K, sinh ngày 03/01/2015 và Lê Quang M, sinh ngày 26/02/2018. Ly hôn, bà K xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Quang K và Lê Quang M. Giao con Lê Quang A cho ông K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của bà K thì thấy: Cả bà K và ông K đều phải có nghĩa vụ và quyền đối với con, cũng như có quyền được nuôi con; hai cháu Lê Quang K và Lê Quang M còn nhỏ cần được sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, mặt khác bà K thu nhập chỉ đủ khả năng nuôi hai con nhỏ, riêng cháu lớn Lê Quang A đã đủ 7 tuổi có nguyện vọng được ở với ông Lê Quang K, xét yêu cầu của bà K là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà K xác định việc phân chia nuôi con như vậy là phù hợp nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.*

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà K phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K đối với ông Lê Quang K về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị K được ly hôn với ông Lê Quang K.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Quang K, sinh ngày 03/01/2015 và Lê Quang M, sinh ngày 26/02/2018 cho bà Phan Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Lê Quang A, sinh ngày 17/4/2013 cho ông Lê Quang K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không có.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)** bà Phan Thị K phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà K đã nộp tại biên lai thu số 0008225 ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà K đã nộp đủ án phí.

Bà Phan Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Quang K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa K, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Anh**